

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T**  
**TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/HNGĐ – ST

Ngày 30 tháng 9 năm 2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T TỈNH PHÚ THỌ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Mai;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Hồng Đào và ông Nguyễn Đức Nghị;

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Tân Khải Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:** Ông Đinh Xuân Tiệp – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2021/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16/9/2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 01 ngày 20/9/2021 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* **Chị Nguyễn Thị D**, sinh năm 1978 (có mặt);

*Bị đơn:* **Anh Nguyễn Văn S**, sinh năm 1975 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Xóm B, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**[1] Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/7/2021 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Năm 1997, chị và anh Nguyễn Văn S đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện Th, tỉnh Phú Thọ (nay là huyện T). Sau khi kết hôn, chị và anh S cùng sinh sống tại xóm B, xã V. Tuy nhiên trong cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh S không tu chí làm ăn, thường xuyên có hành vi ngược đãi chị. Hai bên đã sống ly thân trong thời gian dài.

Gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên giải nhưng mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không

đạt được. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện T, cho chị được ly hôn anh S.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 03 (ba) con chung là cháu: Nguyễn Thị Nh, sinh ngày 21/8/1997, cháu Nguyễn Hoài L, sinh ngày 14/3/2002 và cháu Nguyễn Thanh L1, sinh ngày 26/4/2004. Đối với cháu Nh, cháu L hiện đã thành niên, có khả năng lao động tự túc, chị yêu cầu Tòa án không xem xét đến việc nuôi dưỡng các cháu; đối với cháu L1 chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh S thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con.

- *Về chia tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng*: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**[2] Về phía bị đơn anh Nguyễn Văn S**: Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng anh S đều vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

**[3]. Quan điểm của con chung chưa thành niên**: Tại bản tự khai ngày 26/7/2021 cháu Nguyễn Thanh L1 đề nghị được ở cùng chị D khi Tòa án giải quyết cho chị D ly hôn anh S. Đồng thời, cháu L1 cung cấp: Hiện nay anh S đi làm ăn xa, thỉnh thoảng một tháng về nhà 2 đến 3 lần. Cháu L1 đã trực tiếp đưa Thông báo của Tòa án về việc giải quyết việc ly hôn giữa chị D với anh S và Giấy báo của Tòa án cho anh S nhưng anh S vẫn tiếp tục đi làm. Trong thời gian chị D ở với anh S, cháu thấy hai người không hạnh phúc. Cháu đề nghị Tòa án giải quyết cho chị D và anh S được ly hôn.

**[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm**:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án*:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, Nguyên đơn đã chấp hành là đúng quy định của pháp luật; Bị đơn chấp hành chưa đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân S.

- *Về nội dung giải quyết vụ án*: Chị D và anh S kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống chung vợ chồng hai bên không hòa thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D và anh S là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D. Về con chung: Đề nghị áp dụng các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình giao cháu, Nguyễn Thanh L1, sinh ngày 26/4/2004 cho chị D được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh S không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con vì chị D không yêu cầu. Đối với quan hệ về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp, Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này. Về án phí dân S, chị D phải chịu theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

**[1]. Về trình tự, thủ tục tố tụng:** Chị Nguyễn Thị D có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ cho chị ly hôn anh Nguyễn Văn S. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân S thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện T đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh S, tuy nhiên anh S cố ý vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xác định đây là vụ án không thể tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân S và quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, anh S vắng mặt lần thứ hai không có lý do, tuy nhiên, Tòa án nhân dân huyện T đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh S. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân S, Tòa án nhân dân huyện T xét xử vắng mặt Bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

**[2]. Về nội dung vụ án:**

*2.1. Về quan hệ hôn nhân:* Chị D và anh S trước khi kết hôn có thời gian tự nguyện tìm hiểu. Ngày 14/3/1997, hai bên đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện Th, tỉnh Phú Thọ (*nay là huyện T*), đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, hiện anh, chị đã sống ly thân. Xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh S nữa, nên chị D xin ly hôn để giải phóng cho nhau. Phía anh S, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và Giấy báo nhưng cố tình trốn tránh không đến Tòa án để trình bày quan điểm.

Để thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị D, anh S Tòa án đã tiến hành xác minh tại khu dân cư và UBND xã V và thấy rằng: Lời trình bày của chị D về tình trạng hôn nhân là hoàn toàn đúng; anh S nhiều lần có hành vi bạo lực gia đình với chị D, khu dân cư, chính quyền địa phương đã nhiều lần khuyên giải nhưng mâu thuẫn vợ chồng không chấm dứt. Con trai của anh S là cháu Nguyễn Thanh L1 cũng xác định tình trạng vợ chồng chị D và anh S như chị D trình bày; cháu đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho chị D và anh S ly hôn.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị D, anh S đã đến mức trầm trọng, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận việc yêu cầu xin ly hôn của chị D đối với anh S là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

*2.2. Về con chung:* Anh S, chị D có 03 (ba) con chung là cháu: Nguyễn Thị Nh,

sinh ngày 21/8/1997, cháu Nguyễn Hoài L, sinh ngày 14/3/2002 và cháu Nguyễn Thanh L1, sinh ngày 26/4/2004. Đối với cháu N, cháu L hiện đã thành niên, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên chị D không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng, các cháu ở cùng ai tùy thuộc vào các cháu và gia đình nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với cháu Nguyễn Thanh L1 hiện đang học lớp 12, khi ly hôn, chị D đề nghị là người được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, chị không yêu cầu anh S phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, anh S thường xuyên vắng mặt tại địa phương nên không có thời gian chăm sóc, bảo ban, bản thân cháu L1 có nguyện vọng được ở cùng với chị D. Vì vậy, Tòa án chấp nhận yêu cầu xin nuôi cháu L1 của chị D là phù hợp.

2.3. *Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng*: Nguyên đơn, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Bị đơn chưa có yêu cầu. Do vậy, Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết vụ án trong phạm vi khởi kiện, khi chị D, anh S có yêu cầu thì anh, chị có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ, việc khác theo quy định pháp luật.

2.4. *Về án phí*: Chị D là Nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

2.5. *Về quyền kháng cáo*: Anh S và chị D có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

2.6. Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân S;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 và Danh mục kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị D. Cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Nguyễn Văn S.
2. *Về con chung*: Giao cháu Nguyễn Thanh L1 sinh ngày 26/4/2004 cho chị D là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu L1 thành niên

có khả năng lao động để nuôi sống bản thân. Anh S không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung vì chị D không yêu cầu. Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng:* Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.
4. *Án phí dân S sơ thẩm:* Chị Nguyễn Thị D phải nộp 300.000 VNĐ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị D đã nộp 300.000 VNĐ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số: AA/2019/0003151 ngày 20/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân S huyện NLQ3, tỉnh Phú Thọ. Nay được chuyển thành án phí.
5. *Về quyền kháng cáo:* Chị Nguyễn Thị D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, anh Nguyễn Văn S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Thị Hồng Mai**